TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 88/2023/HS-ST
Ngày: 13-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Bá Bảo

Ông Nguyễn Văn Đích

-Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn D**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 27/08/1998 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: phòng 1, chung cư A, đường H, tổ 89, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H, sinh năm: 1968 và bà Thái Thị Kim Y, sinh năm: 1975; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Huỳnh Thị Như T, có 02 con, con lớn sinh năm: 2019, con nhỏ sinh năm: 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 27/3/2023 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Hữu L**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 13/09/1995 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: 115 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn P, sinh năm: 1971 và bà Hồ Thị L, sinh năm: 1973; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Ngày 04/09/2020, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xử phạt 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong ngày 06/05/2022; Tiền sự: Ngày 23/04/2020, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 15 tháng; Nhân thân: Ngày

19/06/2015, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 02 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy";* Ngày 22/03/2018, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng. Bị cáo bị bắt ngày 27/3/2023 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

3. Họ và tên: **Trần Văn B**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/07/1997 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Số 82, đường L, tổ 19, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Hữu D, sinh năm: 1963 và bà Đoàn Thị L, sinh năm: 1967; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/07/2020, bị Ủy ban nhân dân phường An Hải Đông, quận Sơn Trà quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường với thời hạn 06 tháng. Chấp hành xong vào ngày 20/01/2021; Bị cáo bị bắt ngày 17/7/2023 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

4. Họ và tên: **Trần Hoàng Q**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 28/07/1996 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: K905/29/03 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn H, sinh năm: 1960 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1960; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Huỳnh Thị Thu H (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 03/06/2021, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng; Bị cáo bị bắt ngày 27/3/2023 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

5. Họ và tên: **Đinh Anh N**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/10/1993 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: K405/8 đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh T, sinh năm: 1958 và bà Đặng Thị H, sinh năm: 1957; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 27/3/2023 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà **Trần Hà Ái M**, sinh năm: 1984, địa chỉ: Số 81 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

+ Bà **Hồ Thị L**, sinh năm: 1973, địa chỉ: Số 115 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Người chứng kiến:

+ Ông **Trần Quốc C**, sinh năm: 1969, địa chỉ: Tổ 36 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

+ Ông **Lê X,** sinh năm: 1956, địa chỉ: Tổ 31, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 27/3/2023, tại trước số 92 đường Trần Quang Khải, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra, phát hiện Lê Hữu L cất giấu 01 gói nilon bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng nên đã tiến hành lập biên bản quả tang và tạm giữ tang vật.

Tang vật tạm giữ:

- 01 gói nilon, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (Ký hiệu bì niêm phong là A);

- 01 điện thoại di động Iphone imei: 352000069739054, gắn sim số: 0702546993;

-01 điện thoại di động imei (khe 1): 352884793146979; imeil (khe 2): 353649453146976, gắn sim 1: 0933213716; gắn sim 2: 0931476067;

- 01 căn cước công dân cấp cho Lê Hữu L;

- 01 xe mô tô BKS 43E1-368.96.

Vào lúc 18 giờ 10 phút ngày 27/3/2023, tại trước số nhà 82, Lương Thế Vinh, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra, phát hiện Trần Hoàng Q và Đinh Anh N cất giấu 01 gói nilon chứa tinh thể rắn màu trắng nên đã tiến hành lập biên bản quả tang và tạm giữ tang vật.

Tang vật tạm giữ:

- 01 gói nilon, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (Ký hiệu bì niêm phong là QN);

- 01 điện thoại di động Samsung imei: 355644074516960/01, gắn sim 1 số: 0899526554; Sim 2 số: 0904495913;

- 01 điện thoại di động HUAWEI imei: 866345046811602, gắn sim số: 0905293377;

- 01 xe mô tô BKS 43D2-029.51.

Vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 27 tháng 03 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn D tại: Phòng 1 chung cư A, đường H, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Tang vật tạm giữ:

- 01 gói nilon, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (Ký hiệu bì niêm phong là E);

- 01 hộp giấy cứng màu trắng hình chữ nhật có kích thước khoảng (9x6) cm;

- 30 bao nilon kích thước khoảng (3x7) cm;

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn D;

- 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn D;

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, số imei: 35389110633028, gắn sim số: 0904966923.

Qua điều tra xác định: Ngày 20/03/2023, do không có nghề nghiệp và nghiện ma tuý nên Lê Văn D liên hệ một người tên Giang (không rõ nhân thân lai lịch) qua ứng dụng Telegram hỏi mua 10 gam ma tuý đá với giá 8.000.000 đồng. Giang đồng ý và hẹn giao dịch ma tuý tại một khách sạn trên đường Đinh Thị Hoà, thành phố Đà Nẵng. Sau khi mua được ma tuý, D mang ma tuý về phòng chung cư cất giấu và phân nhỏ ra bán. D sử dụng số điện thoại 0904966923 để liên lạc và dùng tài khoản ngân hàng để giao dịch thanh toán mua bán tuý. Từ ngày 20/03/2023 đến khi bị phát hiện, D đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy, xác định được những lần như sau:

- Lần 01: Khoảng tháng 2/2023, Lê Hữu L liên lạc với D mua 500.000 đồng ma túy đá để sử dụng cho bản thân. D đồng ý. Sau đó, L đã dùng tài khoản momo của L chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Vietcombank (số tài khoản 0621000458567) của D trả tiền mua ma túy và đi gặp trực tiếp D để mua ma túy. Số ma túy đã mua, L đã sử dụng cho hết cho bản thân.

- Lần 02: Ngày 18/02/2023, Trần Văn B điện thoại cho Lê Văn D mua 500.000 đồng ma túy đá (trong đó: B góp 200.000 đồng, Q góp 300.000 đồng). D đồng ý. Sau đó, Bảo chuyển khoản trả tiền mua ma túy cho D rồi Q chở B đi đến ngã ba Lê Hữu Kiều và Hoa Lư, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà để lấy ma túy. Khi đến nơi, Q đứng ngoài đường chờ còn B đi vào khu chung cư 3A điện thoại cho D và D chỉ chỗ D để ma túy cho Bảo lấy. Sau khi mua được ma túy, B và Q phân chia số ma túy về sử dụng. Số ma túy lần này, B và Q đã sử dụng cá nhân hết.

- Lần 03: Ngày 21/02/2023, Trần Văn B điện thoại cho Lê Văn D mua 800.000 đồng ma túy đá (trong đó: B góp 500.000 đồng, N góp 300.000 đồng). D đồng ý. Sau đó, B chuyển khoản trả tiền mua ma túy cho D rồi Nhật chở B đi đến ngã ba Lê Hữu Kiều và Hoa Lư, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà để lấy ma túy. Khi đến nơi, N đứng ngoài đường chờ còn B đi vào khu chung cư 3A điện thoại cho D và D chỉ chỗ D để ma túy cho B lấy. Sau khi mua được ma túy, B và

N phân chia số ma túy về sử dụng. Số ma túy lần này, B và N đã sử dụng cá nhân hết.

- Lần 04: Ngày 25/03/2023, Lê Hữu L liên lạc với D mua 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng cho bản thân. D đồng ý. Sau đó, L đã dùng tài khoản momo của Lộc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Vietcombank của D trả tiền mua ma túy và đi gặp trực tiếp D để mua ma túy. Số ma túy đã mua, L đã sử dụng cho hết cho bản thân.

- Lần 5: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27/03/2023, Lê Hữu L điện thoại cho Lê Văn D hỏi mua 400.000 đồng ma túy đá. D đồng ý và yêu cầu L chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Vietcombank cho D và hẹn đến khu vực chung cư 3A, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng để giao dịch mua bán ma túy. L đồng ý và L tự ý dùng tài khoản momo của Trần Hà Ái M chuyển 400.000 đồng vào tài khoản Vietcombank của D để trả tiền mua ma tuý. Sau đó, L chở theo M đến ngã tư đường Lý Nhật Quang và đường Hoa Lư, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Lúc này, L nói M xuống xe đứng đợi còn L đi một mình vào khu vực chung cư 3A, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo chỉ dẫn của D qua điện thoại nhận gói thuốc lá con ngựa bên trong có chứa gói ma túy đá mà D ném từ chung cư xuống. L lấy gói ma túy và vứt gói thuốc con ngựa rồi điều khiển xe ra đón M chở đến trước số 92, đường Trần Quang Khải, thành phố Đà Nẵng thì bị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, tạm giữ gói ma túy mà L vừa mua của D để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng. Trong cả quá trình L liên hệ, chuyển tiền và đi lấy ma túy đá, M đi theo nhưng không biết nội dung vụ việc liên quan đến việc mua và cất giấu ma túy của L

- Lần 6: Khoảng 17 giờ ngày 27/03/2023, Đinh Anh N liên hệ qua mạng xã hội nhờ Trần Văn B mua giúp 500.000 đồng ma túy đá và sẽ cho B sử dụng ma tuý cùng sau khi mua được ma tuý, B đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô BKS: 43D2-02951 đi qua nhà B. Lúc này, Trần Hoàng Q đang ở nhà B chơi nên B nói với Q góp tiền với Nhật để mua ma túy đá và Q đồng ý. Khoảng 10 phút sau, N đến nhà B. Tại đây, Q đưa cho N 300.000 đồng mua ma túy đá, N góp thêm 500.000 đồng để mua ma tuý. Sau đó, B sử dụng số điện thoại 0878736119 liên hệ cho Lê Văn D qua số điện thoại 0904966923 đặt mua 800.000 đồng ma túy đá. D đồng ý bán và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản cho D và hẹn đến ngã ba Hoa Lư-Lê Hữu Kiều, thành phố Đà Nẵng giao ma túy. N dùng tài khoản momo mang tên Đinh Anh N chuyển 800.000 đồng vào tài khoản Techcombank của D rồi chụp ảnh xác định việc chuyển tiền gửi cho B. Lúc này, B thông báo cho N đến ngã ba Hoa Lư- Lê Hữu Kiều đứng đợi và cho Nhật số điện thoại của D. N sử dụng xe mô tô BKS: 43D2-02951 chở Q đến điểm hẹn, do điện thoại của N hết tiền nên N đưa số điện thoại của D cho Q điện thoại cho D nói Q đã đến.

Một lát sau, D đến nói N và Q đứng đợi ngoài đường. Sau đó, D điện thoại hướng dẫn cho Q đi một mình vào lấy gói ma túy được bọc trong mảnh giấy để dưới gốc cây gần khu vực chung cư 3A. Q mở mảnh giấy lấy gói ma túy đá rồi đi đến chỗ N đang đứng chờ. Lúc này, Q ngồi lên xe để gói ma túy đá trên yên xe và N chở Q về lại nhà của B. Khi N chở Q đến trước nhà B thì bị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, tạm giữ gói ma túy đá mà N và Q vừa mua nhưng chưa kịp sử dụng.

Số ma túy đá còn lại Lê Văn D cất giấu tại phòng 312 chung cư 3A chưa kịp bán thì bị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của D.

Tang vật tạm giữ trong quá trình điều tra:

- 01 điện thoại hiệu Iphone số imei: 353266077913713, sim số 0905385624 của Trần Văn B.

Kết quả xét nghiệm Trần Hoàng Q, Lê Hữu L, Đinh Anh N, Lê Văn D dương tính ma tuý tổng hợp. Trần Văn B âm tính với ma tuý.

Tại Kết luận giám định số: 277/KLMT-KTHS ngày 03/04/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định: Tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A, QN và E gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu A: 0,237 gam, mẫu E: 0,866 gam và mẫu QN: 0,413 gam. Tổng khối lượng ma tuý, loại Methamphetamine: 1,516 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 92/CT-VKS-ST ngày 22/08/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Văn D về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Trần Hoàng Q, Lê Hữu L, Đinh Anh N, Trần Văn B về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Qua xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên kết luận truy tố đối với cáo Lê Văn D về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* và các bị cáo Trần Hoàng Q, Lê Hữu L, Đinh Anh N, Trần Văn B về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*"

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 09 (chín) năm tù đến 09 (chín) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/03/2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn D từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu L từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/03/2023.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 17/07/2023.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Q từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/03/2023.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Anh N từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/03/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) phong bì niêm phong số: 277/GĐ-MT ngày 03/04/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng bên trong có chứa các mẫu A: 0,149 gam, mẫu E: 0,662 gam và mẫu QN: 0,243 gam) còn lại sau khi giám định cùng bao gói mẫu; 01 (một) hộp giấy cứng hình chữ nhật có kích thước khoảng (9x6) cm; 30 (ba mươi) gói ni lông kích thước khoảng (3x7) cm, không chứa gì; 01 (một) cân tiểu ly màu đen của Lê Văn D; 01 (một) sim số 0702546993, seri sim 6178 của Lê Hữu L; 01 (một) sim số 0904495913 và 01 (một) sim số 0899526554, seri sim 4473 của Trần Hoàng Q; 01 (một) sim số 0905293377, seri sim 5609 của Đinh Anh N; 01 (một) sim số 0904966923, seri sim 0674 của Lê Văn D;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone số imei: 352000069739054 của Lê Hữu L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung số imei: 355644074516960 của Trần Hoàng Q; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei số imei: 866345046811602 của Đinh Anh N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số imei: 353891100633028 của Lê Văn D;

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu lợi trái pháp luật từ việc mua bán trái phép chất ma túy của Lê Văn D;

- Trả lại cho chủ sở hữu các tài sản gồm: 01 căn cước công dân mang tên Lê Hữu L; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn D; 01 thẻ ngân hàng

Vietcombank mang tên Lê Văn D; 01 điện thoại di động imei 352884793146979 của bà Trần Hà Ái M; 01 điện thoại di động Iphone số imei: 353266077913713 và 01 sim số 0905385624, seri sim không có của Trần Văn B; 01 xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 43D2-029.51, số khung 0165592, số máy 277300 của Đinh Anh N; 01 xe mô tô biển kiểm soát 43E1 – 36896, số khung 0207795, số máy 5025097 của bà Hồ Thị L.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thức được hành vi sai trái, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an quận Sơn Trà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02 năm 2023 đến ngày 27 tháng 03 năm 2023, Lê Văn D đã mua ma túy của đối tượng tên Giang (chưa rõ nhân thân, lai lịch) về để bán lại cho người nghiện, qua điều tra xác định được 06 lần cụ thể như sau.

- Lần 1 và lần 2: Trong tháng 02/2023 và ngày 25/03/2023, Lê Văn D bán trái phép ma túy cho Lê Hữu L 02 lần, lần 01: số tiền 500.000 đồng và lần 02: số tiền 300.000 đồng. Số ma túy trên, L đã sử dụng hết cho bản thân.

- Lần 3 và lần 4: Ngày 18/02/2023 và ngày 23/03/2023, D bán trái phép ma túy cho Trần Văn B 02 lần, lần 1: Số tiền 500.000 đồng (trong đó: Q góp 300.000 đồng) và lần 02: Số tiền 800.000 đồng (trong đó: N góp 300.000 đồng). Số ma túy lần này, B cùng N và Q chia nhau tự sử dụng cho bản thân.

- Lần 5: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27/03/2023, Lê Văn D bán cho Lê Hữu L 0,237 gam ma tuý, loại Methamphetamine với số tiền 400.000 đồng. Số ma tuý này L mua để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Phòng Cảnh sát

Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang và tạm giữ số ma tuý vào lúc 15 giờ 15 phút cùng ngày.

- Lần 6 : Ngày 21/02/2023, thông qua sự liên hệ của Trần Văn B, Lê Văn D bán cho Đinh Anh N và Trần Hoàng Q 0,413 gam ma túy loại loại Methamphetamine với số tiền 800.000 đồng, trong đó: N góp 500.000 đồng, Quốc góp 300.000 đồng về để N, Q, B sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang và tạm giữ số ma tuý vào lúc 15 giờ 15 phút cùng ngày. Ngoài ra, Lê Văn D còn có hành vi cất giấu 0,866 gam ma túy túy loại Methamphetamine để bán cho người nghiện nhưng chưa kịp bán thì bị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của D.

Hành vi nhiều lần mua bán ma túy trong đó có lần bán cho nhiều người để hưởng lợi của bị cáo Lê Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung hình phạt *"Phạm tội 02 lần trở lên" và "Mua bán với 02 người trở lên"* theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi cất giấu bất hợp pháp ma túy của các bị cáo Lê Hữu L, Đinh Anh N, Trần Hoàng Q, Trần Văn B để sử dụng, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 92/CT-VKS-ST ngày 22/08/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Văn D về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố các bị cáo Lê Hữu L, Đinh Anh N, Trần Hoàng Q, Trần Văn B về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại nguy hiểm của ma túy tổng hợp Methamphetamine có khả năng gây nghiện mạnh, nguy hại cho sức khỏe con người, bị Nhà nước nghiêm cấm tự do mua bán, tàng trữ nhưng vẫn cố ý mua bán nhằm hưởng lợi, cất giấu để sử dụng. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy mà còn gây ra nhiều tệ nạn, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo Lê Văn D thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc. Hành vi của các bị cáo Lê Hữu L, Đinh Anh N, Trần Hoàng Q, Trần Văn B thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần xử lý mức án phù hợp trong khung hình phạt.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Văn D, Đinh Anh N có nhân thân tốt. Các bị cáo khác có nhân thân xấu, cụ thể bị cáo Lê Hữu L có tiền án năm 2020 bị xử phạt 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản*", có tiền sự năm 2020 bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 15 tháng, ngoài ra có nhân thân xấu năm 2015 bị xử phạt 02 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và năm 2018 bị dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng; Bị cáo Trần Hoàng Q năm 2021 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị cáo Trần Văn B năm 2020 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Bị cáo Lê Hữu L có 01 tiền án chưa xoá án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trần Hoàng Q có người thân có công với cách mạng nên xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Văn D đã cố ý nhiều lần mua bán ma túy để hưởng lợi nên cần xử phạt bổ sung đối với bị cáo D 10.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo còn lại.

[6]. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần xử lý vật chứng như sau:

- Đối với 03 (ba) phong bì niêm phong số: 277/GĐ-MT ngày 03/04/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng bên trong có chứa các mẫu A: 0,149 gam, mẫu E: 0,662 gam và mẫu QN: 0,243 gam) còn lại sau khi giám định cùng bao gói mẫu là vật cấm lưu thông nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với các vật chứng gồm: 01(một) hộp giấy cứng hình chữ nhật có kích thước khoảng (9x6) cm; 30 (ba mươi) gói ni lông kích thước khoảng (3x7) cm, không chứa gì; 01 (một) cân tiểu ly màu đen của Lê Văn D; 01 (một) sim số 0702546993, seri sim 6178 của Lê Hữu L; 01 (một) sim số 0904495913 và 01 (một) sim số 0899526554, seri sim 4473 của Trần Hoàng Q; 01 (một) sim số 0905293377, seri sim 5609 của Đinh Anh N; 01 (một) sim số 0904966923, seri sim 0674 của Lê Văn D là những phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone số imei: 352000069739054 của Lê Hữu L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung số imei: 355644074516960 của Trần Hoàng Q; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei số imei: 866345046811602 của Đinh Anh N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số imei: 353891100633028 của Lê Văn D là

phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

-Đối với các vật chứng gồm: 01 căn cước công dân mang tên Lê Hữu L; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn D; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn D; 01 điện thoại di động imei 352884793146979 của bà Trần Hà Ái M; 01 điện thoại di động Iphone số imei: 353266077913713 và 01 sim số 0905385624, seri sim không có của Trần Văn B; 01 xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 43D2-029.51, số khung 0165592, số máy 277300 của Đinh Anh N; 01 xe mô tô biển kiểm soát 43E1 – 36896, số khung 0207795, số máy 5025097 của bà Hồ Thị L không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu;

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu lợi trái pháp luật từ việc mua bán trái phép chất ma túy của Lê Văn D cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vấn đề khác:

- Chưa xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng tên Giang bán ma tuý cho D nên tách ra điều tra xử lý sau là phù hợp.

- Hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Lê Văn D và Đinh Anh N đã bị Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật. Đối với Lê Hữu L và Trần Hoàng Q đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an thành phố Đà Nẵng không ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ theo quy định tại Điều 32 Luật Phòng chống ma túy.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng.

[9]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về áp dụng điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

Tuyên bố các bị cáo: Lê Hữu L, Trần Văn B, Trần Hoàng Q, Đinh Anh N phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/3/2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/3/2023.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 17/7/2023.

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/3/2023.

5. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Anh N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giữ ngày 27/3/2023.

6. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) phong bì niêm phong số: 277/GĐ-MT ngày 03/04/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng bên trong có chứa các mẫu A: 0,149 gam, mẫu E: 0,662 gam và mẫu QN: 0,243 gam) cùng bao gói mẫu; 01(một) hộp giấy cứng hình chữ nhật có kích thước khoảng (9x6) cm; 30 (ba mươi) gói ni lông kích thước khoảng (3x7) cm, không chứa gì; 01 (một) cân tiểu ly màu đen của Lê Văn D; 01 (một) sim số 0702546993, seri sim 6178 của Lê Hữu L; 01 (một) sim số 0904495913 và 01 (một) sim số 0899526554, seri sim 4473 của Trần Hoàng Q; 01 (một) sim số 0905293377, seri sim 5609 của Đinh Anh N; 01 (một) sim số 0904966923, seri sim 0674 của Lê Văn D;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone số imei: 352000069739054 của Lê Hữu L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung số imei: 355644074516960 của Trần Hoàng Q; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei số imei: 866345046811602 của Đinh Anh N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số imei: 353891100633028 của Lê Văn D;

- Trả lại cho chủ sở hữu các tài sản gồm: 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Hữu L cho Lê Hữu L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn D và 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Văn D cho Lê Văn

D; 01 (một) điện thoại di động imei 352884793146979 của bà Trần Hà Ái M cho bà Trần Hà Ái M; 01 (một) điện thoại di động Iphone số imei: 35326607791371301 và (một) sim số 0905385624, seri sim không có của Trần Văn B cho Trần Văn B; 01 (một) xe mô tô Honda Air Blade biển kiểm soát 43D2-029.51, số khung 0165592, số máy 277300 của Đinh Anh N cho Đinh Anh N; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 43E1 – 36896, số khung 0207795, số máy 5025097 của bà Hồ Thị L cho bà Hồ Thị L.

Các vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 9 năm 2023

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Lê Văn D số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

7. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn D, Lê Hữu L, Trần Văn B, Trần Hoàng Q, Đinh Anh N phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Sơn Trà;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Công an quận Sơn Trà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng